

Bản án số: 67/2022/HSST
Ngày 21-12-2022

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN HẢI AN, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đặng Văn Tuyên

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Đào Đình B

Ông Giang Văn Thảo

- T ký phiên tòa: Ông Nguyễn Kim Thanh- T ký Tòa án nhân dân quận H An, thành phố H Phòng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận H An, thành phố H Phòng tham gia phiên tòa: Bà Đỗ Thị Diễm Hằng - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 12 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận H An, H Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 64/2022/HSST ngày 06 tháng 12 năm 2022 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 64/2022/QĐXXST-HS ngày 06 tháng 12 năm 2022, đối với các bị cáo:

Phạm Văn S, sinh ngày 08 tháng 3 năm 1987 tại H Phòng. Nơi cư trú: Số 204 đường Bùi Thị Từ Nhiên, phường Đông H 1, quận H An, thành phố H Phòng; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phạm Minh Tân và bà Trần Thị Nhất; có vợ Trịnh Thị Hồng H, có 03 con, con lớn sinh năm 2006, con nhỏ sinh năm 2014; gia đình có 02 chị em, bị cáo là con thứ hai; tiền án: Tại bản án số 35/2018/HS-ST ngày 23/01/2018 Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội xử phạt 05 tháng tù giam về tội Đánh bạc. Ngày 30/11/2018, bị cáo đã chấp hành xong hình phạt tù về địa phương, nhưng chưa thi hành xong 200.000 đồng tiền án phí hình sự phúc thẩm nên chưa được xóa án tích; tiền sự: Không; nhân thân: Tại bản án số 31/2011/HSST ngày 29/4/2011 Tòa án nhân dân quận H An, thành phố H Phòng xử phạt 12 tháng tù nhưng cho hưởng án treo về tội làm nhục người khác (đã được xóa án tích). Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn tạm giam từ ngày 04/11/2022.

- *Bị hại:* Bà Vũ Thị T, sinh năm 1979; địa chỉ: Thôn Chân Đào, xã Thống Nhất, thành phố Hạ Long, tỉnh **Quảng Ninh**. **Vắng mặt.**

- *Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:*

1. Bà Trịnh Thị Hồng H, sinh năm 1988 (là vợ bị cáo); địa chỉ: Số 204 Bùi Thị Từ Nhiên, phường Đông H 1, quận H An, thành phố H Phòng; Có mặt.

2. Bà Vũ Thị T, sinh năm 1987 (em gái của bị hại); địa chỉ: Thôn 9, xã Ngọc Tảo, huyện Phúc Thọ, Hà Nội; Vắng mặt.

3. Ông Võ Văn G, sinh năm 1981 (bạn của bị hại); địa chỉ: Ấp 3, xã Thuận Hòa, huyện Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang; Vắng mặt.

- *Người làm chứng:*

1. Ông Phạm Văn B; Vắng mặt.

2. Ông Hoàng Trung Q; Có mặt.

3. Ông Nguyễn Văn T; Vắng mặt.

4. Ông Nguyễn Hồng H; Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng hơn 11 giờ ngày 24/10/2020, chị Vũ Thị T, sinh năm: 1979, đăng ký hộ khẩu Thường trú tại: Thôn Chân Đào, xã Thống Nhất, thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh điều khiển xe ô tô chở ông Nguyễn Hồng H, sinh năm: 1961, đăng ký hộ khẩu Thường trú tại: Thôn Me, xã Tân Hòa, huyện Hưng Hà, tỉnh Thái B (là công nhân làm thuê cho chị T) đi đến công ty TNHH FLAT, địa chỉ: Lô đất CN4.2C khu công nghiệp Đình Vũ, phường Đông H 2, quận H An, H Phòng để thu dọn máy móc chuyển đi công trình khác. Tại đây, chị T gặp chị Trịnh Thị Hồng H, sinh năm: 1988, đăng ký hộ khẩu Thường trú tại: Số 204 Bùi Thị Từ Nhiên, Đông H 1, H An, H Phòng là chủ quán cơm làm trong công ty TNHH FLAT. Chị H chặn xe và đòi chị T trả 7.000.000 đồng tiền cơm mà nhóm công nhân của chị T còn nợ chị H trong thời gian thi công lắp đặt mái tôn tại công ty TNHH FLAT từ đầu năm 2020. Chị T có hẹn chị H là đến thứ hai tuần tiếp theo sẽ trả nhưng chị H không đồng ý và gọi điện thoại cho chồng là **Phạm Văn S** đến công ty TNHH FLAT để đòi tiền chị T. Lúc này, S đang trên đường điều khiển xe ô tô chở Phạm Văn B, sinh năm 1988, đăng ký hộ khẩu Thường trú tại: Ngõ 79 Bùi Thị Từ Nhiên, phường Đông H 1, quận H An, H Phòng và Hoàng Trung Q, sinh năm 1985, đăng ký hộ khẩu Thường trú tại: Số 7/8/358 Đà Nẵng, phường Đông H 1, quận H An, H Phòng là bạn của S đi ăn cơm trưa. Sau khi nghe điện thoại xong, S không nói với B và Q về nội dung cuộc điện thoại, không yêu cầu B và Q tham gia đòi tiền chị T mà chỉ nói

là: “Đi xuống quán anh tí rồi về”. Đến khoảng 11 giờ 30 phút cùng ngày, sau khi đã thu dọn xong máy móc thì chị T và ông H điều khiển xe ô tô đi ra khỏi công ty TNHH FLAT. Khi đi đến khu vực phòng bảo vệ ở cạnh cổng ra vào của công ty TNHH FLAT thì chị H tiếp tục đi ra đòi chị T pH trả số tiền com mà công nhân còn nợ. Lúc này, chị T đã gọi điện thoại và nhờ em gái ruột là chị Vũ Thị T, sinh năm:1987, đăng ký hộ khẩu Tờng trú tại: Thôn 9, xã Ngọc Tảo, huyện Phúc Thọ, Hà Nội chuyển khoản qua ngân hàng số tiền 7.000.000 đồng để trả cho chị H. Chị T đồng ý và chuyển 7.000.000 đồng từ số tài khoản 8330172666999 tại Ngân hàng TMCP Q đội (MB bank) mang tên Vũ Thị T đến số tài khoản 32310000237421 tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và phát triển Việt Nam (BIDV) mang tên Trịnh Thị Hồng H vào hồi 11 giờ 41 phút cùng ngày, với nội dung “Tuyet ck”. Khi chị H thông báo với chị T là đã nhận được số tiền 7.000.000 đồng thì xe ô tô do S điều khiển chở theo B và Q cũng vừa đi đến. Lúc này, chị H đi vào trong cantin của công ty bán hàng. S một mình xuống xe đi về phía chị T đang đứng và hỏi chị T: “Tình hình tiền com chị nợ và tiền chồng chị nợ mẹ em 17.000.000 đồng thì như thế nào”. Chị T có nói với S là: “Tiền com tao vừa chuyển rồi đấy, còn tiền thằng Trường nợ đi tìm thằng Trường mà đòi”. Nghe thấy chị T nói vậy thì S có nói với chị T là hiện S không liên lạc được với anh Võ Văn G, sinh năm 1981, trú tại: Ấp 3, xã Thuận Hòa, huyện Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang (**tên Tờng gọi là Trường, bạn trai của chị T**), từ trước tới nay tiền mà anh G nợ đều do chị T trả nên lần này chị T cũng trả nốt cho anh G đi. Đồng thời S cũng nói: “Nếu không trả thì sẽ báo bảo vệ không cho xe của chị T ra” nên giữa S và chị T xảy ra to tiếng cãi chửi nhau. Quá trình cãi nhau, chị T có chửi bới, chỉ tay vào mặt S và nói: “Tao thách mày không cho xe tao ra”. Do vậy, S đã chui qua thanh barie chắn cổng đi vào khu vực phía trong công ty TNHH FLAT, cách cổng của công ty khoảng 6,4 mét rồi dùng tay pH tát vào mặt chị T 01 cái. Lúc này, anh Nguyễn Văn T, sinh năm: 1981, đăng ký hộ khẩu Tờng trú tại: TDP Quảng Luận, phường Đa Phúc, quận Dương Kinh, H Phòng là bảo vệ của công ty TNHH FLAT có chạy từ phòng bảo vệ ra chỗ S và chị T để can ngăn. Sau khi tát chị T xong, S có nói với chị T: “PH trả 17.000.000 đồng, không trả không ra khỏi đây được”. Khi S đe dọa như vậy, chị T văng tục và nói S muốn làm gì thì làm nên S đã lao vào và dùng tay pH tát vào mặt chị T 01 cái nữa. Lúc này, anh T can ngăn và đẩy S ra phía ngoài barie cổng. Khi bị tát lần thứ hai, chị T đi lùi vào phía trong công ty gọi điện thoại, sau đó chị T đi ra cổng bảo vệ với S để sang tuần có tiền sẽ trả thì S không đồng ý và nói: “Không được, nếu không trả ngay thì không cho xe ra khỏi cổng được”. Nghe vậy chị T lại đi lùi vào khu vực phía trong công ty, về phía xe ô tô của chị T đang đỗ và gọi điện thoại cho em gái là chị Vũ Thị T nhờ chuyển tiếp 17.000.000 đồng vào tài khoản lúc trước của chị Trịnh Thị Hồng H. Chị T đồng ý và thực hiện việc chuyển 17.000.000 đồng từ số tài khoản 8330172666999 của chị T đến số tài khoản 32310000237421 của chị H vào hồi 11 giờ 56 phút cùng ngày, với nội dung “Tuyet ck”. Sau đó, chị T đi ra

nói với S lúc đó đang đứng ở trước cửa phòng bảo vệ sát cạnh khu vực barie cổng là: “Tao đã chuyển tiền trả rồi đấy” thì nhóm của S lên xe ô tô đi về. Sau khi nhóm của S đi về thì chị T cũng điều khiển xe ô tô chở ông H và máy móc rời khỏi công ty TNHH FLAT. Ngày 25/10/2020, chị T đến cơ quan Công an trình báo về sự việc nêu trên.

Quá trình điều tra, bị cáo khai nhận: Chị T không nợ bị cáo số tiền 17.000.000 đồng trên, mà là anh Võ Văn G nợ bà Vũ Thị Hiền (mẹ đẻ chị H). Bà Hiền có nhờ bị cáo nếu gặp anh G thì đòi hộ số tiền trên nhưng do không gặp, không liên lạc được với anh G và thấy các khoản nợ của anh G từ trước đến nay đều do chị T đứng ra trả nên bị cáo đã ép chị T phải trả thay anh G số tiền 17.000.000 đồng này.

Về vật chứng vụ án: Không.

Tại Cáo trạng số 75/CT- VKS ngày 26 tháng 11 năm 2022, Viện Kiểm sát nhân dân quận H An truy tố bị cáo Phạm Văn S về tội Cướp tài sản theo quy định tại khoản 1 Điều 168 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là chị Trịnh Thị Hồng H, sinh năm 1988 (là vợ bị cáo); địa chỉ: Số 204 Bùi Thị Từ Nhiên, phường Đông H 1, quận H An, thành phố H Phòng có mặt và trình bày quan điểm: Do chị T đến công ty TNHH FLAT vào giờ chị H bán cơm trưa nên chị H đã gọi điện thoại cho chồng là Phạm Văn S đến để nói chuyện với chị T về vấn đề tiền cơm trưa mà công nhân của chị T còn nợ quán chị H. Đồng thời, chị H cũng xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Tại phiên tòa người bị hại và những người làm chứng là ông Phạm Văn B, ông Nguyễn Văn T, ông Nguyễn Hồng H vắng mặt mặc dù đã được tòa án triệu tập hợp lệ, nhưng đã có lời khai tại cơ quan điều tra phù hợp với lời khai của bị cáo.

Tại phiên tòa, đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận H An thực hành quyền công tố trình bày lời luận tội, giữ nguyên quan điểm truy tố đối với bị cáo theo toàn bộ nội dung Cáo trạng. Mặt khác, quá trình xét hỏi công khai tại phiên tòa đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận H An đã làm rõ được sau khi thừa nhận hành vi phạm tội của mình, bị cáo đã chủ động liên hệ với gia đình và nhờ gia đình thay bị cáo nộp số tiền 17.000.000 đồng vào Chi cục Thi hành án dân sự quận H An để bồi Tòng cho người bị hại là chị Vũ Thị T. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng khoản 1 Điều 168; Điều 38; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo từ 42 tháng tù đến 48 tháng tù về tội “Cướp tài sản” và không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

Về trách nhiệm dân sự: Buộc bị cáo phải trả cho người bị hại là chị Vũ Thị T số tiền 17.000.000 đồng.

Đối với Hoàng Trung Q và Phạm Văn B đi cùng S đến công ty TNHH FLAT: Tài liệu điều tra xác định Q, B không được Phạm Văn S bàn bạc và rủ đi đòi nợ, quá trình S và chị T xảy ra to tiếng cãi chửi nhau, B và Q không chứng kiến việc S tát chị T cũng như không tham gia vào việc đòi tiền chị T nên không có căn cứ xử lý.

Đối với Trịnh Thị Hồng H có hành vi chặn xe, đòi tiền chị T và gọi điện thoại cho chồng là Phạm Văn S đến công ty TNHH FLAT để đòi tiền chị T, tài liệu điều tra xác định được: Việc chị H gọi điện thoại cho S đến công ty TNHH FLAT đòi tiền chị T chỉ là giao dịch dân sự do chị T có nợ chị H 7.000.000 đồng tiền com. Khi S tới nơi thì chị T đã đồng ý trả cho chị H số tiền này nên sau khi nhận được tiền thì chị H đã đi vào trong cantin bán hàng, không bàn bạc và tham gia cùng S trong việc dùng vũ lực, đe dọa uy hiếp tinh thần, ép buộc chị T trả số tiền 17.000.000 đồng mà anh G đã vay của bà Vũ Thị Hiền (mẹ đẻ chị H) nên không có căn cứ xử lý.

Về án phí: Bị cáo pH nộp án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa, bị cáo Phạm Văn S vẫn giữ nguyên lời khai như đã khai tại Cơ quan điều tra. S nhất trí với bản luận tội của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận H An. Trong lời nói sau cùng, bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử xem xét, xử phạt bị cáo mức hình phạt nhẹ nhất để bị cáo sớm được trở về với gia đình, tái hòa nhập cộng đồng và xã hội.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

- Về tố tụng:

[1] Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an quận H An, Điều tra viên, Viện Kiểm sát nhân dân quận H An, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không ai có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về việc bị hại là bà Vũ Thị T, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là bà Vũ Thị T và ông Võ Văn G, người làm chứng là ông Phạm Văn B, ông Nguyễn

Văn T, ông Nguyễn Hồng H mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt tại phiên tòa. Xét thấy, bị hại, những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan và người làm chứng đã có lời khai trong hồ sơ vụ án do vậy việc vắng mặt của họ không ảnh hưởng đến việc xét xử nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt họ theo quy định tại khoản 1 Điều 292, khoản 1 Điều 293 Bộ luật Tố tụng hình sự.

- Về tội danh:

[3] Lời khai của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với nhau, phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của bị hại, phù hợp với lời khai của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, cùng các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử xét có đủ cơ sở kết luận: Khoảng thời gian từ 11 giờ 41 phút đến 11 giờ 56 phút ngày 24/10/2020, tại khu vực cổng công ty TNHH FLAT, khu công nghiệp Đình Vũ, Đông H 2, H An, H Phòng, Phạm Văn S đã có hành vi dùng vũ lực và lời nói đe dọa liên tiếp, dồn dập làm cho chị Vũ Thị T sợ buộc PH trả số tiền 17.000.000 đồng mà chị T không PH là người vay theo yêu cầu của Phạm Văn S. Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản hợp pháp, xâm phạm sức khỏe và tinh thần của chị T, gây mất trật tự, trị an ở địa phương. Bị cáo là người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức được hành vi của mình là vi phạm pháp luật nhưng vẫn thực hiện với lỗi cố ý trực tiếp. Vì vậy, có đủ căn cứ xác định bị cáo phạm tội Cướp tài sản, quy định tại khoản 1 Điều 168 của Bộ luật Hình sự.

- Về hình phạt:

[4] Xét về nhân thân: Tại bản án số 35/2018/HS-ST ngày 23/01/2018 Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội xử phạt 05 tháng tù giam về tội Đánh bạc. Ngày 30/11/2018, bị cáo đã chấp hành xong hình phạt tù về địa phương, nhưng chưa thi hành xong 200.000 đồng tiền án phí hình sự phúc thẩm nên chưa được xóa án tích; tiền sự: Không; nhân thân: Tại bản án số 31/2011/HSST ngày 29/4/2011 Tòa án nhân dân quận H An, thành phố H Phòng xử phạt 12 tháng tù nhưng cho hưởng án treo về tội làm nhục người khác (đã được xóa án tích). Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn tạm giam từ ngày 04/11/2022.

Do vậy, cần xem xét nhân thân của bị cáo khi quyết định hình phạt, đảm bảo giáo dục bị cáo trở thành người có ích cho xã hội.

[5] Xét tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

+ Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo có 01 tiền án chưa được xóa án tích nên lần phạm tội này bị cáo PH chịu tình tiết tăng nặng “tái phạm” theo quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự.

+ Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Quá trình điều tra giải quyết vụ án và tại phiên tòa, bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Mặt khác, sau khi phạm tội, bị cáo đã tác động gia đình tự nguyện nộp số tiền 17.000.000 đồng cho Chi cục Thi hành án dân sự quận H để trả lại cho người bị hại là chị Vũ Thị T; bị cáo là lao động chính trong gia đình có bố đẻ là người khuyết tật nặng (có xác nhận của chính quyền địa phương). Do đó, bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s, b khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

[6] Về hình phạt chính: Trên cơ sở đánh giá đầy đủ tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội do hành vi phạm tội của bị cáo gây nên. Căn cứ quy định pháp luật, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân, Hội đồng xét xử thấy cần xử phạt bị cáo mức hình phạt tù thích đáng, bắt cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian mới đủ sức răn đe, giáo dục và phòng ngừa chung.

[7] Về hình phạt bổ sung: Xét bị cáo không có việc làm ổn định và không có tài sản riêng nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[8] Về trách nhiệm dân sự: Theo đề nghị của bà Vũ Thị T yêu cầu bị cáo S trả lại số tiền 17.000.000 đồng mà bị cáo S đã chiếm đoạt của bà. Đến nay bị cáo S đã tự nguyện giao nộp số tiền 17.000.000 đồng cho Chi cục Thi hành án dân sự quận H An theo Biên lai thu tiền số 0002935 ngày 17/11/2022 để trả lại cho người bị hại là Vũ Thị T. Nên bà Vũ Thị T có quyền đến Chi cục Thi hành án dân sự quận H An, thành phố H Phòng để nhận lại số tiền 17.000.000 đồng.

[9] Về án phí: Bị cáo pH chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

- Những vấn đề khác:

[10] Đối với Hoàng Trung Q và Phạm Văn B đi cùng S đến công ty TNHH FLAT: Tài liệu điều tra xác định Q, B không được Phạm Văn S bàn bạc và rủ đi đòi nợ, quá trình S và chị T xảy ra to tiếng cãi chửi nhau, B và Q không chứng kiến việc S tát chị T cũng như không tham gia vào việc đòi tiền chị T nên không có căn cứ xử lý.

[11] Đối với Trịnh Thị Hồng H có hành vi chặn xe, đòi tiền chị T và gọi điện thoại cho chồng là Phạm Văn S đến công ty TNHH FLAT để đòi tiền chị T, tài liệu điều tra xác định được: Việc chị H gọi điện thoại cho Phạm Văn S đến công ty TNHH FLAT đòi tiền chị T chỉ là giao dịch dân sự do chị T có nợ chị H 7.000.000 đồng tiền com. Khi S tới nơi thì chị T đã đồng ý trả cho chị H số tiền này nên sau khi nhận được tiền thì chị H đã đi vào trong cantin bán hàng, không bàn bạc và tham gia cùng S trong việc dùng vũ lực, đe dọa uy hiếp tinh thần, ép buộc chị T pH

trả số tiền 17.000.000 đồng mà anh Võ Văn G đã vay của bà Vũ Thị Hiền (mẹ đẻ chị H) nên không có căn cứ xử lý.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về tội danh và hình phạt:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 138; điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 38 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Phạm Văn S 42 (bốn mươi hai) tháng tù về tội “Cướp tài sản”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 14/11/2022.

2. Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ Điều 48 của Bộ luật Hình sự;

Buộc bị cáo pH trả lại cho bà Vũ Thị T số tiền 17.000.000đồng (mười bảy triệu đồng); Bà Vũ Thị T có quyền đến Chi cục Thi hành án dân sự quận H An, H Phòng để nhận lại số tiền 17.000.000đồng (mười bảy triệu đồng) (theo Biên lai 0002935 ngày 17/11/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự quận H An, H Phòng) do bị cáo tự nguyện giao nộp.

3. Về án phí: Căn cứ Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự ; điểm a khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Bị cáo Phạm Văn S pH chịu 200.000đồng (Hai trăm nghìn) án phí hình sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Căn cứ Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự,

Bị cáo, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân thành phố H Phòng trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án;

Người bị hại và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa, có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người pH thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Bị cáo; những người tham gia tố tụng;
- VKSND thành phố H Phòng;
- VKSND quận H An;
- Cơ quan điều tra Công an quận H An;
- Cơ quan Thi hành án hình sự Công an quận H An; chi cục THADS quận H An;
- PV 06- Công an thành phố H Phòng;
- Tòa án nhân dân thành phố H Phòng;
- Sở Tư pháp thành phố H Phòng;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đặng Văn Tuyển